

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 6

(Ban hành kèm Quyết định số 102 /2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2009
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÂN HOÀ ĐÔNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	6,600
		KINH DƯƠNG VƯƠNG	LÝ CHIÊU HOÀNG	7,300
		LÝ CHIÊU HOÀNG	RANH QUẬN 8	5,100
2	BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HÈM 76 BÀ HOM	8,800
		HÈM 76 BÀ HOM	AN DƯƠNG VƯƠNG	6,600
3	BÀ KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5,700
4	BÀ LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		6,100
5	BÃI SẬY	NGÕ NHÂN TỊNH	BÌNH TIỀN	10,200
		BÌNH TIỀN	LÒ GÓM	8,800
6	BẾN LÒ GÓM	BẾN PHÚ LÂM	BÀ LÀI	6,100
		BÀ LÀI	TRẦN VĂN KIỀU	3,600
7	BẾN PHÚ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		6,700
8	BÌNH PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10,000
9	BÌNH TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		10,300
10	BÌNH TIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		12,300
11	BỮU ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7,100
12	CAO VĂN LẬU	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	12,500
		BÃI SẬY	TRẦN VĂN KIỀU	11,700
13	CHỢ LỚN	TRỌN ĐƯỜNG		8,000
14	CHU VĂN AN	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	16,700
		BÃI SẬY	TRẦN VĂN KIỀU	11,400
15	ĐẶNG NGUYỄN CÀN	TÂN HOÀ	TÂN HOÀ ĐÔNG	7,800
		TÂN HOÀ ĐÔNG	BÀ HOM	10,100
		BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	9,000
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ ĐÀI RẠDA	PHƯỜNG 13		5,100
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM A	PHƯỜNG 12		5,100
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM B	PHƯỜNG 13		5,100
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM D	PHƯỜNG 10		5,100
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU PHỐ CHỢ PHÚ LÂM	PHƯỜNG 13, 14		5,100
21	ĐƯỜNG SỐ 10	PHƯỜNG 13		4,800
22	ĐƯỜNG SỐ 11	PHƯỜNG 13		5,700
23	GIA PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10,100
24	HẬU GIANG	PHẠM ĐÌNH HỒ	MINH PHỤNG	17,100
		MINH PHỤNG	NGUYỄN VĂN LUÔNG	13,200
		NGUYỄN VĂN LUÔNG	MŨI TÀU	10,800
25	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	CẦU PHÚ LÂM	15,400
		CẦU PHÚ LÂM	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	14,300
26	HOÀNG LÊ KHA	TRỌN ĐƯỜNG		5,900
27	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13,100
28	LÊ QUANG SUNG	NGÕ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỜNG	15,600
		MAI XUÂN THƯỜNG	MINH PHỤNG	10,200
		MINH PHỤNG	LÒ GÓM	7,800
29	LÊ TẤN KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		18,200
30	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		9,400
31	LÊ TUẤN MẬU	TRỌN ĐƯỜNG		6,600
32	LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		9,500

33	MAI XUÂN THƯỜNG	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHOÊ	12,200
		PHAN VĂN KHOÊ	TRẦN VĂN KIỀU	10,500
34	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		14,400
35	NGÔ NHÂN TỊNH	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHOÊ	15,000
		PHAN VĂN KHOÊ	TRẦN VĂN KIỀU	14,900
36	NGUYỄN HỮU THẬN	TRỌN ĐƯỜNG		18,200
37	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4,900
38	NGUYỄN ĐÌNH CHI	TRỌN ĐƯỜNG		6,700
39	NGUYỄN PHẠM TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4,600
40	NGUYỄN THỊ NHỎ	TRỌN ĐƯỜNG		15,000
41	NGUYỄN VĂN LUÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	HẬU GIANG	13,200
		HẬU GIANG	CẦU BÀ LÀI	11,000
		CẦU BÀ LÀI	LÝ CHIÊU HOÀNG	7,300
42	NGUYỄN XUÂN PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		15,600
43	PHẠM ĐÌNH HỒ	HỒNG BÀNG	BÃI SẬY	16,500
		BÃI SẬY	PHẠM VĂN CHÍ	11,900
44	PHẠM PHÚ THỨ	TRỌN ĐƯỜNG		9,500
45	PHẠM VĂN CHÍ	BÌNH TÂY	BÌNH TIỀN	10,500
		BÌNH TIỀN	LÒ GÓM	7,500
46	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		6,600
47	PHAN VĂN KHOÊ	NGÔ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỜNG	14,400
		MAI XUÂN THƯỜNG	BÌNH TIỀN	10,000
		BÌNH TIỀN	LÒ GÓM	8,800
48	TÂN HOÀ ĐÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	ĐẶNG NGUYỄN CẢN	7,800
		ĐẶNG NGUYỄN CẢN	AN DƯƠNG VƯƠNG	6,300
49	TÂN HOÁ	HỒNG BÀNG	ĐẶNG NGUYỄN CẢN	7,300
		ĐẶNG NGUYỄN CẢN	CẦU TÂN HOÁ	6,600
50	THÁP MƯỜI	TRỌN ĐƯỜNG		21,800
51	TRẦN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18,200
52	TRẦN TRUNG LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		11,700
53	TRẦN VĂN KIỀU	NGÔ NHÂN TỊNH (P.1)	CẦU LÒ GÓM (P.7)	16,000
		CẦU LÒ GÓM (P.7)	RẠCH NHẢY (P.10)	11,700
54	TRANG TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		13,100
55	VĂN THÂN	BÌNH TIỀN	BÀ LÀI	7,700
		BÀ LÀI	LÒ GÓM	5,900

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ